



0	3	13	0	0	0
---	---	----	---	---	---

**Ghi chú:**

**Hướng dẫn cách ghi biểu:**

- Biểu này là biểu tổng hợp về thanh tra hành chính, bao gồm cả số liệu tại các biểu 03/TTr, 04/TTr, 05/TTr và thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về thanh tra, TCD, KNTC, PCTN
- Cột "Đơn vị" để ghi tên các đơn vị trực thuộc
- Cột (1) = Cột (2) + (3) = Cột (4) + (5)
- Cột (2): Số cuộc thanh tra triển khai từ các kỳ báo cáo trước chuyển sang, chưa ban hành kết luận hoặc ban hành kết luận trong kỳ này
- Số liệu từ cột (7) đến cột (18) là số liệu tổng hợp từ các kết luận thanh tra đã ban hành trong kỳ báo cáo (nếu tại Cột (6))
- Cột (7): Số cơ quan, tổ chức được thanh tra theo kết luận thanh tra
- Cột (8) = (10) + (12): Tổng số tiền vi phạm phát hiện qua kết luận thanh tra gồm: tiền VNĐ, ngoại tệ được quy đổi thành tiền VNĐ theo tỉ giá của NHNN Việt Nam tại thời điểm kết luận thanh tra và tài sản quy thành tiền VNĐ
- Cột (9) = (11) + (13): Tổng diện tích đất vi phạm theo kết luận thanh tra
- Cột (12): Số tiền kiến nghị xử lý khác (ngoài kiến nghị thu hồi, bao gồm: Xuất toán, loại khỏi giá trị quyết toán, miễn giảm tiền thuê đất...)
- Cột (13): Số diện tích đất kiến nghị xử lý khác (ngoài kiến nghị thu hồi, bao gồm: điều chỉnh mục đích sử dụng đất, bổ sung hồ sơ, hoàn thiện thủ tục,...)
- Nội dung ghi chú thể hiện ở dòng 19 (nếu có)

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾT LUẬN THANH TRA HÀNH CHÍNH**  
Số liệu tính từ ngày 15/4/2024 đến 14/6/2024  
(Kèm theo Báo cáo số: ..... ngày ...../..... của UBND huyện Đắk Hà)

Đơn vị tính: Tiền (đồng), đất (m<sup>2</sup>)

TT	Quyết định/ Kế hoạch (kiểm tra)	Kết luận/ Báo cáo (kiểm tra)	Kết luận thanh tra phải thực hiện		Tiến độ thực hiện kết luận		Thu hồi về ngân sách nhà nước				Xử lý khác về kinh tế				Xử lý hành chính				Chuyển cơ quan điều tra				Hoàn thiện về cơ chế chính sách (số văn bản)	
			Tổng số	Trong đó số kết luận chưa thực hiện xong kỳ trước chuyển sang	Số kết luận đã hoàn thành	Số kết luận chưa hoàn thành	Tiền (đ)		Đất (m <sup>2</sup> )		Tiền (đ)		Đất (m <sup>2</sup> )		Tổng số phải		Xử lý trong kỳ		Đã chuyển cơ		Khởi tố trong		Tổng số văn bản kiến nghị phải hoàn thiện	Số văn bản kiến nghị đã thực hiện xong
							Tổng số tiền phải thu	Số tiền đã thu trong kỳ	Tổng số đất phải thu	Số đất đã thu trong kỳ	Tổng số tiền phải xử lý khác	Số tiền đã xử lý khác trong kỳ	Tổng số đất phải xử lý khác	Số đất đã xử lý khác trong kỳ	Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng	Vụ	Đối tượng		
MS			1=3+4	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
1	Quyết định số 366/QĐ-TTr ngày 01/12/2023	Kết luận số 39 ngày 07/5/2024	1	0	1	0	68.210.704	0							1	5								
2	Quyết định số 08/QĐ-TTr ngày 05/4/2024	Kết luận số 30 ngày 05/4/2024	1	1	0	1	0								2	7								
3	Quyết định số 75/QĐ-TTr ngày 15/03/202	Kết luận số 43 ngày 14/5/2024	1	0	1	0	0								0	0								
<b>Tổng</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>68.210.704</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>3</b>	<b>12</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

**Ghi chú:****Hướng dẫn cách ghi biểu:**

- Cột (1)=3+4: Tổng số kết luận thanh tra được thực hiện đôn đốc, kiểm tra trong kỳ báo cáo
- Cột (2): Số kết luận thanh tra được kiểm tra trực tiếp nằm trong tổng số kết luận thanh tra được kiểm tra, đôn đốc ở cột (1); Cột (2) <= (1)
- Từ Cột (3) là số liệu tổng hợp về kết quả thực hiện các kết luận thanh tra nêu tại Cột (1)
- Cột (3): Số kết luận thanh tra đã hoàn thành 100% việc thực hiện các kiến nghị nêu tại kết luận
- Cột (5): Tổng số tiền phải thu hồi về ngân sách nhà nước trong kỳ báo cáo, gồm số tiền phải thu từ các kết luận trong kỳ + số tiền chưa thu được từ các kết luận kỳ trước chuyển sang
- Cột (6): Tổng số tiền đã thu hồi về ngân sách nhà nước trong kỳ báo cáo; (6) <= (5)
- Cột (7): Tổng diện tích đất phải thu hồi về ngân sách nhà nước trong kỳ báo cáo, gồm số diện tích đất phải thu từ các kết luận trong kỳ + số diện tích đất chưa thu được từ các kết luận kỳ trước chuyển sang
- Cột (8): Tổng diện tích đất đã thu hồi về ngân sách nhà nước trong kỳ báo cáo; Cột (8) <= (7)
- Cột (9): Tổng số tiền phải xử lý khác (xuất toán, loại khỏi giá trị quyết toán, miễn giảm tiền thuê đất...) trong kỳ báo cáo, gồm số tiền phải xử lý khác từ các kết luận trong kỳ + số tiền chưa thực hiện xử lý khác từ các kết luận kỳ trước chuyển sang
- Cột (10): Tổng số tiền đã xử lý khác trong kỳ báo cáo; Cột (10) <= (9)
- Cột (11): Tổng diện tích đất phải xử lý khác trong kỳ báo cáo, gồm số đất phải xử lý khác từ các kết luận trong kỳ + số đất chưa thực hiện xử lý khác từ các kết luận kỳ trước chuyển sang
- Cột (12): Tổng diện tích đất đã xử lý khác trong kỳ báo cáo; Cột (12) <= (11)
- Nội dung ghi chú thể hiện ở dòng 23 (nếu có)

Đơn vị: UBND HUYỆN ĐẮK

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRA HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN**  
Số liệu tính từ ngày 15/4/2024 đến 14/6/2024  
(Kèm theo Báo cáo số: ..... ngày ...../...../..... của UBND huyện Đắk Hà)

Đơn vị tính: Tiền (đồng), đất (m<sup>2</sup>)

TT	Quyết định/ Kế hoạch (kiểm tra)	Kết luận/ Báo cáo (kiểm tra)	Số cuộc thanh tra thực hiện trong kỳ					Số cuộc thanh tra đã ban hành kết luận	Số đơn vị được thanh tra	Tổng vi phạm về kinh tế		Kiến nghị xử lý								
			Tổng số	Phân loại						Tiền và tài sản quy thành tiền (đ)	Đất (m <sup>2</sup> )	Thu hồi về NSNN		Xử lý khác về kinh tế		Hành chính		Chuyển cơ quan điều tra		Hoàn thiện cơ chế, chính sách (số văn bản)
				Triển khai từ kỳ trước chuyển sang	Triển khai trong kỳ	Theo Kế hoạch	Đột xuất					Tiền (đ)	Đất (m <sup>2</sup> )	Tiền (đ)	Đất (m <sup>2</sup> )	Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng	
Ms			1=2+3=4+5	2	3	4	5	6	7	8=10+12	9=11+13	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1	Quyết định số 366/QĐ-TTr ngày 01/12/2023	Kết luận số 39 ngày 07/5/2024	1	1	0	1	0	1	1			62.695.800				1	4			
2	Quyết định số 159/QĐ-TTr ngày 20 tháng 5 năm 2024	0	1	0	1	1	0	0	0											
<b>Tổng</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>62.695.800</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>4</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

**Ghi chú:****Hướng dẫn cách ghi biểu:**

- Cột "Đơn vị" để ghi tên các đơn vị trực thuộc
- Số liệu của Biểu này nằm trong kết quả thanh tra hành chính (Biểu 01/TTr)
- Không nhập số liệu kết quả thanh tra, kiểm tra chuyên ngành vào Biểu này
- Cột (1) = Cột (2) + (3) = Cột (4) + (5)
- Cột (2): Số cuộc thanh tra về lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản triển khai từ các kỳ báo cáo trước chuyển sang, chưa ban hành kết luận hoặc ban hành kết luận trong kỳ này
- Số liệu từ cột (7) đến cột (18) là số liệu tổng hợp từ các kết luận thanh tra đã ban hành trong kỳ báo cáo (nếu tại Cột (6))
- Cột (7): Số cơ quan, tổ chức được thanh tra theo kết luận thanh tra
- Cột (8) = (10) + (12): Tổng số tiền vi phạm phát hiện qua kết luận thanh tra gồm: tiền VNĐ, ngoại tệ được quy đổi thành tiền VNĐ theo tỉ giá của NHNN Việt Nam tại thời điểm kết luận thanh tra và tài sản quy thành tiền VNĐ
- Cột (9) = (11) + (13): Tổng diện tích đất vi phạm theo kết luận thanh tra
- Cột (12): Số tiền kiến nghị xử lý khác (ngoài kiến nghị thu hồi, bao gồm: Xuất toán, loại khỏi giá trị quyết toán, miễn giảm tiền thuê đất...)
- Cột (13): Số diện tích đất kiến nghị xử lý khác (ngoài kiến nghị thu hồi, bao gồm: điều chỉnh mục đích sử dụng đất, bổ sung hồ sơ, hoàn thiện thủ tục,...)

- Nội dung ghi chú thể hiện ở dòng 19 (nếu có)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRA HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH

Số liệu tính từ ngày 15/4/2024 đến 14/6/2024

(Kèm theo Báo cáo số: ..... ngày ...../...../..... của UBND huyện Đắk Hà)

Đơn vị tính: Tiền (đồng), đất (m<sup>2</sup>)

TT	Quyết định/ Kế hoạch (kiểm tra)	Kết luận/ Báo cáo (kiểm tra)	Số cuộc thanh tra thực hiện trong kỳ					Số cuộc thanh tra đã ban hành kết luận	Số đơn vị được thanh tra	Tổng vi phạm về kinh tế		Kiến nghị xử lý								
			Tổng số	Phân loại						Tiền và tài sản quy thành tiền (đ)	Đất (m <sup>2</sup> )	Thu hồi về NSNN		Xử lý khác về kinh tế		Hành chính		Chuyển cơ quan điều tra		Hoàn thiện cơ chế, chính sách (số văn bản)
				Triển khai từ kỳ trước chuyển sang	Triển khai trong kỳ	Theo Kế hoạch	Đột xuất					Tiền (đ)	Đất (m <sup>2</sup> )	Tiền (đ)	Đất (m <sup>2</sup> )	Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng	
Ms			1=2+3=4+5	2	3	4	5	6	7	8=10+12	9=11+13	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1	Quyết định số 366/QĐ-TTr ngày 01/12/2023	Kết luận số 39 ngày 07/5/2024	1	1	0	1	0	1	1			5.514.904				1	4			
2	Quyết định số 75/QĐ-TTr ngày 15/03/2024	Kết luận số 43 ngày 14/5/2024	1	1	0	1	0	1	1			0				0	0			
3	Quyết định số 128/QĐ-TTr ngày 26 tháng 4 năm 2024	-	1	0	1	1	0	0	0											
4	Quyết định số 159/QĐ-TTr ngày 20 tháng 5 năm 2024	-	1	0	1	1	0	0	0											
<b>Tổng</b>	<b>4</b>	<b>2</b>	<b>4</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>5.514.904</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>4</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

**Ghi chú:**

**Hướng dẫn cách ghi biểu:**

- Cột "Đơn vị" để ghi tên các đơn vị trực thuộc
- Số liệu của Biểu này nằm trong kết quả thanh tra hành chính (Biểu 01/TTr)
- Không nhập số liệu kết quả thanh tra, kiểm tra chuyên ngành vào Biểu này
- Cột (1) = Cột (2) + (3) = Cột (4) + (5)
- Cột (2): Số cuộc thanh tra hành chính về lĩnh vực tài chính - ngân sách triển khai từ các kỳ báo cáo trước chuyển sang, chưa ban hành kết luận hoặc ban hành kết luận trong kỳ này
- Số liệu từ cột (7) đến cột (18) là số liệu tổng hợp từ các kết luận thanh tra đã ban hành trong kỳ báo cáo (nếu tại Cột (6))
- Cột (7): Số cơ quan, tổ chức được thanh tra theo kết luận thanh tra
- Cột (8) = (10) + (12): Tổng số tiền vi phạm phát hiện qua kết luận thanh tra gồm: tiền VND, ngoại tệ được quy đổi thành tiền VND theo tỉ giá của NHNN Việt Nam tại thời điểm kết luận thanh tra và tài sản quy thành tiền VND
- Cột (9) = (11) + (13): Tổng diện tích đất vi phạm theo kết luận thanh tra
- Cột (12): Số tiền kiến nghị xử lý khác (ngoài kiến nghị thu hồi, bao gồm: Xuất toán, loại khỏi giá trị quyết toán, miễn giảm tiền thuế đất...)
- Cột (13): Số diện tích đất kiến nghị xử lý khác (ngoài kiến nghị thu hồi, bao gồm: điều chỉnh mục đích sử dụng đất, bổ sung hồ sơ, hoàn thiện thủ tục...)
- Nội dung ghi chú thể hiện ở dòng 19 (nếu có)

**TONG HOP KET QUẢ THANH TRA HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI**

Số liệu tính từ ngày .../.../.... đến....ngày.../.../...

(Kèm theo Báo cáo số: ..... ngày ...../...../..... của .....)

Đơn vị tính: Tiền (đồng); đất (m<sup>2</sup>)

Đơn vị	Quyết định/ Kế hoạch (kiểm tra)	Kết luận/ Báo cáo (kiểm tra)	Số cuộc thanh tra thực hiện trong kỳ					Số cuộc thanh tra đã ban hành kết luận	Số đơn vị được thanh tra	Tổng vi phạm về kinh tế		Kiến nghị xử lý								
			Tổng số	Phân loại						Tiền và tài sản quy thành tiền (đ)	Đất (m <sup>2</sup> )	Thu hồi về NSNN		Xử lý khác về kinh tế		Hành chính		Chuyển cơ quan điều tra		Hoàn thiện cơ chế, chính sách (số văn bản)
				Triển khai từ kỳ trước chuyển sang	Triển khai trong kỳ	Theo Kế hoạch	Đột xuất					Tiền (đ)	Đất (m <sup>2</sup> )	Tiền (đ)	Đất (m <sup>2</sup> )	Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng	
Ms			1=2+3=4+5	2	3	4	5	6	7	8=10+12	9=11+13	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	Không																			
<b>Tổng</b>																				

**Ghi chú:**

**Hướng dẫn cách ghi biểu:**

- Cột "Đơn vị" để ghi tên các đơn vị trực thuộc
- Số liệu của Biểu này nằm trong kết quả thanh tra hành chính (Biểu 01/TTr)
- Không nhập số liệu kết quả thanh tra, kiểm tra chuyên ngành vào Biểu này
- Cột (1) = Cột (2) + (3) = Cột (4) + (5)
- Cột (2): Số cuộc thanh tra hành chính về lĩnh vực đất đai triển khai từ các kỳ báo cáo trước chuyển sang, chưa ban hành kết luận hoặc ban hành kết luận trong kỳ này
- Số liệu từ cột (7) đến cột (18) là số liệu tổng hợp từ các kết luận thanh tra đã ban hành trong kỳ báo cáo (nếu tại Cột (6))
- Cột (7): Số cơ quan, tổ chức được thanh tra theo kết luận thanh tra
- Cột (8)=(10)+(12): Tổng số tiền vi phạm phát hiện qua kết luận thanh tra gồm: tiền VNĐ, ngoại tệ được quy đổi thành VNĐ theo tỉ giá của Ngân hàng NN Việt Nam tại thời điểm kết luận thanh tra và tài sản quy thành tiền VNĐ
- Cột (9) = (11) + (13): Tổng diện tích đất vi phạm theo kết luận thanh tra
- Cột (12): Số tiền kiến nghị xử lý khác (ngoài kiến nghị thu hồi, bao gồm: Xuất toán, loại khỏi giá trị quyết toán, miễn giảm tiền thuê đất...)
- Cột (13): Số diện tích đất kiến nghị xử lý khác (ngoài kiến nghị thu hồi, bao gồm: điều chỉnh mục đích sử dụng đất, bổ sung hồ sơ, hoàn thiện thủ tục,...)
- Nội dung ghi chú thể hiện ở dòng 19 (nếu có)

Số liệu tính từ ngày .../.../... đến...ngày.../.../...  
 (Kèm theo Báo cáo số: ..... ngày ..... tháng .... năm ... của .....)

Đơn vị tính: Người

Đơn vị	Số lượng công chức, viên chức, người lao động trong kỳ					Số lượng biến động trong kỳ		Số người được chuyển đổi vị trí công tác	Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ												Vi phạm và kết quả xử lý					
	Tổng số	Trong đó				Tăng	Giảm		Thanh tra viên	Tổng số			Trong đó						Tổng số cá nhân vi		Đã xử lý		Đang và chưa xử lý			
		Số TTV cao cấp và tương đương	Số TTV chính và tương đương	Số TTV và tương đương	Khác					Nhu cầu	Đã thực hiện	Thanh tra viên	Thanh tra viên chính	Thanh tra viên cao cấp	Tiếp công dân, KN, TC		Khác		Hành chính	Hình sự	Hành chính	Hình sự	Hành chính	Hình sự		
MS	1=2+3+4+5	2	3	4	5	6	7	8	9=11+13+15+17+19	10=12+14+16+18+20	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
UBND huyện Đắk Hà	5			4	1						1	1														

**Ghi chú:**  
**Hướng dẫn cách ghi biểu:**  
 - Biểu này chỉ áp dụng đối với báo cáo sơ kết 6 tháng và báo cáo tổng kết năm  
 - Cột (1) = Cột (2) + Cột (3) + Cột (4) + Cột (5)  
 - Cột (6): Biến động tăng về số lượng công chức, viên chức, người lao động trong kỳ báo cáo gồm: Tiếp nhận, tuyển dụng ...  
 - Cột (7): Biến động giảm về số lượng công chức, viên chức, người lao động trong kỳ báo cáo gồm: Nghỉ hưu, chuyển công tác, bị kỷ luật buộc thôi việc ...  
 - Cột (9) = Cột (11) + (13) + (15) + (17) + (19) là nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về nghiệp vụ trong công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo  
 - Cột (10) = Cột (12) + (14) + (16) + (18) + (20) là kết quả về đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về nghiệp vụ trong công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo  
 - Cột (17), (18) là nhu cầu và kết quả đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về nghiệp vụ công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo  
 - Cột (19), (20) là nhu cầu và kết quả đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ khác trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của TTCP, VD: nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành y tế, đất đai, xây dựng, nghiệp vụ thống kê, tổng hợp báo cáo...  
 - Cột (21) - cột (26) là số lượng cán bộ làm công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết KN, TC và PCTN có vi phạm phải xử lý và kết quả xử lý  
 - Nội dung ghi chú thể hiện ở dòng 27 (nếu có)



TONG HOP CONG TAC QUAN LY NHA NUOC VE THANH TRA

Số liệu tính từ ngày .../.../.... đến...ngày.../.../...

(Kèm theo Báo cáo số: ..... ngày ...../...../..... của .....)

Đơn vị	Ban hành văn bản quản lý, chỉ đạo (Bộ, ngành, tỉnh, TP) về công tác thanh tra			Tập huấn, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về thanh tra		Thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về thanh tra						Kết quả thực hiện kết luận thanh tra trách nhiệm					
	Số văn bản ban hành mới	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung	Số văn bản bãi bỏ	Lớp	Người	Tổng số cuộc	Số cuộc đã ban hành kết luận	Số đơn vị được thanh tra	Kiến nghị xử lý hành chính		Kiến nghị chuyển cơ quan điều tra		Tổng số kết luận phải thực hiện	Đã xử lý hành chính		Đã khởi tố	
									Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng		Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng
MS	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
UBND HUYỆN ĐẮK HÀ						0	0	0									

Ghi chú:

Hướng dẫn cách ghi biểu:

- Cột (6): Thống kê tổng số cuộc thanh tra trách nhiệm thực hiện trong kỳ báo cáo (gồm triển khai trong kỳ và triển khai từ kỳ trước chưa ban hành kết luận chuyển sang).
- Cột (7): Số kết luận thanh tra, kiểm tra đã ban hành trong kỳ báo cáo
- Số liệu từ Cột (8) đến Cột (12) là số liệu tổng hợp từ các kết luận thanh tra nêu tại Cột (7)
- Cột (8): Số cơ quan, tổ chức được thanh tra, kiểm tra theo kết luận thanh tra
- Cột (13): Số kết luận thanh tra phải thực hiện trong kỳ báo cáo, gồm số kết luận phải thực hiện trong kỳ và số kết luận từ kỳ trước chưa thực hiện xong chuyển sang
- Từ Cột (14) - Cột (17): Kết quả thực hiện trong kỳ báo cáo đối với các kết luận nêu tại Cột (13)
- Nội dung ghi chú thể hiện ở dòng 18 (nếu có)